

Số: 67 /QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ và Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ năm 2021

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ và Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ năm 2021 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- VP Quốc hội, VP Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo Chính phủ;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công Thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Thị Thanh Trà

Phụ lục 1

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC TOÀN BỘ THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NỘI VỤ năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

| STT | Tên loại văn bản | Số ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|-------------------------------------|------------------------------------|---|--|--|-----------------------------------|
| LĨNH VỰC TỔ CHỨC – BIÊN CHẾ | | | | | |
| 1 | Thông tư | 15/2014/TT- BNV ngày 31/10/2014 | Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | 02 Thông tư hết hiệu lực được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện | 01/10/2021 |
| 2 | Thông tư | 02/2010/TT - BNV ngày 28/4/2010 | Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của tổ chức văn thư, lưu trữ Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp | | |
| LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN | | | | | |
| 3 | Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | 57/2015/QĐ-TTg ngày 16/11/2015 | Về chính sách đối với hoạt động tình nguyện của thanh niên | Quyết định này được bãi bỏ theo quy định tại Quyết định số 09/2021/QĐ-TTg ngày 15/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với hoạt động tình nguyện của thanh niên | 15/3/2021 |



LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

| | | | | | |
|---|----------|-----------------------------------|---|--|------------|
| 4 | Thông tư | 01/2009/TT-BNV ngày 19/3/2009 | Hướng dẫn trình tự; thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân | 04 Thông tư này được bãi bỏ tại Điều 1 Thông tư số 06/2021/TT-BNV ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành | 20/12/2021 |
| 5 | Thông tư | 02/2009/TT-BNV ngày 19/3/2009 | Hướng dẫn triển khai thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường | | |
| 6 | Thông tư | 04/2009/TT-BNV ngày 29/4/2009 | Sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 5 Thông tư số 02/2009/TT-BNV ngày 19/3/2009 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn triển khai thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường | | |
| 7 | Thông tư | 02/2016/TT-BNV ngày 01/02/2016 | Hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021 | | |

LĨNH VỰC VĂN THƯ LƯU TRỮ NHÀ NƯỚC

| | | | | | |
|---|----------|----------------------------------|---|---|------------|
| 8 | Thông tư | 04/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 | Hướng dẫn xây dựng Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, tổ chức | Thông tư này được bãi bỏ tại Điều 1 Thông tư số 06/2021/TT-BNV ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành | 20/12/2021 |
|---|----------|----------------------------------|---|---|------------|

LĨNH VỰC CÔNG CHỨC – VIÊN CHỨC

| | | | | | |
|----|------------|-----------------------------------|---|---|------------|
| 9 | Thông tư | 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 | Quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính | 03 Thông tư này hết hiệu lực theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 18 Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư | 01/8/2021 |
| 10 | Thông tư | 14/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 | Quy định chức danh, mã số ngạch, chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư | | |
| 11 | Thông tư | 10/2019/TT-BNV ngày 02/8/2019 | Hướng dẫn việc xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành văn thư | | |
| 12 | Quyết định | 82/2004/QĐ-BNV ngày 17/11/2004 | Ban hành tiêu chuẩn Giám đốc Sở và các chức vụ tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 02 Quyết định này được bãi bỏ tại Điều 1 Thông tư số 06/2021/TT-BNV ngày 01/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành | 20/12/2021 |
| 13 | Quyết định | 83/2004/QĐ-BNV ngày 17/11/2004 | Ban hành tiêu chuẩn Vụ trưởng thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ | | |

Phụ lục 2

DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HẾT HIỆU LỰC, NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ NỘI VỤ TRONG KỲ HẸ THỐNG HÓA năm 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

| STT | Tên loại văn bản | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản | Nội dung quy định hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Lý do hết hiệu lực, ngưng hiệu lực | Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực |
|---------------------------------------|------------------|--|---|---|-----------------------------------|
| LĨNH VỰC CÔNG TÁC THANH NIÊN | | | | | |
| 1 | Nghị định | 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ quy định về tổ chức và chính sách đối với thanh niên xung phong | Bãi bỏ Điều 7 Chương I; Điều 16, Điều 17, Điều 18 Chương III tại Nghị định số 12/2011/NĐ-CP ngày 30/01/2011 của Chính phủ | Nội dung bãi bỏ được quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 17/2021/NĐ-CP ngày 09/3/2021 quy định về chính sách đối với thanh niên xung phong, thanh niên tình nguyện | 09/3/2021 |
| LĨNH VỰC CÔNG CHỨC – VIÊN CHỨC | | | | | |
| 2 | Thông tư | 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 và Thông tư số 13/2010/TT-BNV ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn, bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và việc tổ chức thi nâng ngạch | Bãi bỏ Điều 1 Thông tư số 05/2017/TT-BNV ngày 15/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ | Được thay thế bằng khoản 3 Điều 18 Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành | 01/8/2021 |

| | | | | | |
|--|-----------|--|--|---|------------|
| | | công chức | | hành chính và công chức chuyên ngành văn thư | |
| LĨNH VỰC ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC | | | | | |
| 3 | Nghị định | 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức | Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 1; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; khoản 2 Điều 20; Điều 21; Điều 26; Điều 27; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 36; Bổ sung Điều 45a trước Điều 45 | Nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại Điều 1 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức | 10/12/2021 |
| LĨNH VỰC TIỀN LƯƠNG | | | | | |
| 4 | Thông tư | 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động | Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 1; bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2; sửa đổi tiêu chuẩn 1 điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 2; Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 3; Sửa đổi điểm b và điểm c khoản 3 Điều 4 | Nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại Điều 1 Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động | 15/8/2021 |
| 5 | Thông tư | 04/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực | Bổ sung điểm 1.3 khoản 1 Mục I; sửa | Nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại Điều 2 | 15/8/2021 |

| | | | | | |
|--|-----------|---|---|--|------------|
| | | hiện chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức | đổi điểm 1.3 khoản 1 Mục III | Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động | |
| LĨNH VỰC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG | | | | | |
| 6 | Nghị định | 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân | Sửa đổi khoản 1 Điều 11 và bổ sung khoản 4 Điều 11; sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 12; sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 5 Điều 14 | Nội dung sửa đổi, bổ sung được quy định tại Điều 1 Nghị định số 115/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân | 16/12/2021 |